

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 723 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 20 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
Địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 219/TTr-SNNMT ngày 14/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

Thủ tục hành chính có số thứ tự từ 01 đến 32 Mục II Phần I tại Danh mục kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực Địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nhân

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG,
UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN**

(Kèm theo Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Phần I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (32 TTHC)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
01	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	29 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/ 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Điều 31 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục I Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026. (3) Phụ lục II Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
02	1.014261	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	80 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Các Điều 26, 36, 42 và 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Các Phụ lục I, II và III Thông tư

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

				<p>công xã, phường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	<p>số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (3) Phụ lục VI Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>
03	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	34 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)			<p>(1) Điều 38, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>
04	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	26 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	<p>(1) Điều 37, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>
05	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	* Trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản: 14 ngày làm việc.			<p>(1) Điều 39, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số</p>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

			* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: 26 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	g.gov.vn/	21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
06	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	26 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)			(1) Điều 41, Điều 44 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
07	1.014271	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản ¹	26 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucon.g.gov.vn/	(1) Các Điều 26, 40, 44, và 110c Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Các Phụ lục I, III và V Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
08	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng	24 ngày làm việc (trường hợp đề án thăm dò cần chỉnh sửa, bổ sung thì thời hạn giải quyết tăng	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông	https://dichvucon.g.gov.vn/	(1) Điều 68 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại

¹ Tên cũ là chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

		khoáng sản	thêm 05 ngày làm việc)	nghiệp và Môi trường.		Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục III Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (3) Phụ lục VI Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
09	1.014257	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	<p>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố: 70 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).</p> <p>2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	<p>(1) Các Điều 61, 67 và 110 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;</p> <p>(3) Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản: 55 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 22 ngày làm việc (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc).

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 12 ngày làm việc (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 03 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 03 ngày làm việc).

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

10	1.014265	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản	<p>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố: 70 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).</p> <p>2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 55 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	<p>(1) Các Điều 61, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>
11	1.014266	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	<p>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p>	<p>(1) Các Điều 62, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ</p>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoáng định và công bố: 34 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 18 ngày làm việc (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc).

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 10 ngày

phục vụ hành chính công tình, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường.

- **Người có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

- **Cơ quan thực hiện:** Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;

(2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

			làm việc (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 03 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 03 ngày làm việc).			
12	1.014267	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản	<p>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố đề nghị: Điều chỉnh trữ lượng khoáng sản được phép khai thác; Tăng hoặc giảm công suất khai thác; Thay đổi, bổ sung phương pháp khai thác; Trả lại một phần diện tích khai thác; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 64 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 23 Điều 1 của Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; Tăng mức sâu khai thác hoặc mở rộng ranh giới khu vực khai thác sau khi kết quả thăm dò xuống sâu, mở rộng được cơ quan nhà</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	<p>(1) Các Điều 64, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;</p> <p>(3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;</p> <p>(4) Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026</p>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

nước, người có thẩm quyền công nhận; mở rộng ranh giới khu vực khai thác khoáng sản nhằm khai thác tối đa trữ lượng khoáng sản đã phê duyệt hoặc công nhận trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; Điều chỉnh nội dung chế biến khoáng sản, mục đích sử dụng, tiêu thụ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 16/01/2026: 34 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoan định và công bố đề nghị: Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; Điều chỉnh tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác khoáng sản do sai lệch trong chuyển đổi hệ tọa độ địa lý hoặc các nguyên nhân khách quan nhưng không dẫn đến thay đổi trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt, công nhận; Bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm là khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản nhóm IV (bao gồm đất, đá

tầng phủ, xen kẽ được xác định phải thải loại trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản) để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 17 ngày làm việc

3. Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố có một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 29 ngày làm việc

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị: Thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; Mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Tăng công suất khai thác khoáng sản; Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

hoạt động khoáng sản: 18 ngày làm việc (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 05 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc).

5. Trường hợp tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị: Thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; Mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; Tăng công suất khai thác khoáng sản; Thay đổi tên gọi của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; Thay đổi hoặc bổ sung công trình, dự án sử dụng khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 10 ngày làm việc (trường hợp lấy ý kiến cơ quan có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết tăng thêm 03 ngày làm việc; trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

			<p>sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 03 ngày làm việc).</p> <p>6. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đề nghị điều chỉnh công suất khai thác khoáng sản nhóm IV để phục vụ công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 05 ngày làm việc</p>			
13	1.014269	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản	<p>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoáng định và công bố: 34 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).</p> <p>2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV: 25 ngày làm việc</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	<p>(1) Các Điều 65, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;</p> <p>(3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>
14	1.014270	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ²	34 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn			<p>(1) Các Điều 66, 67 và 110d Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số</p>

² Tên cũ là Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

			thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)			21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
15	1.014272	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản	<p>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản không quy định diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc mức sâu được phép khai thác: 17 ngày làm việc (trường hợp lấy ý kiến Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đất hiếm thì thời gian lấy ý kiến không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ).</p> <p>2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị: (1) Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản không quy định trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác hoặc không quy định thời hạn khai</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	<p>(1) Các Điều 61, 67 và 154 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.</p> <p>(2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;</p> <p>(3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;</p> <p>(4) Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

			<p>thác; (2) Thực hiện việc cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản đổi với giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 và nội dung giấy phép khai thác khoáng sản đồng thời thuộc nhiều trường hợp sau: không quy định trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác, không quy định thời hạn khai thác, không quy định diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc mức sâu được phép khai thác: 34 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).</p>			
16	1.014466	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	<p>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II: 57 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường. - Người có thẩm</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công</p>	<p>(1) Điều 49, Điều 50 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.</p>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà không phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật: **34 ngày làm việc** (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật: **42**

quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
- **Cơ quan thực hiện:** Sở Nông nghiệp và Môi trường

trực tuyến tại địa chỉ
<https://dichvucon.g.gov.vn/>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

			ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc).			
17	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	63 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường.	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	(1) Điều 103 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
18	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	60 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc)	- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	(1) Điều 104 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
19	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	26 ngày làm việc	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường		(1) Điều 105 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

						16/01/2026.
20	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	<p>1. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận: 50 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc).</p> <p>2. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản: 29 ngày làm việc.</p> <p>3. Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV: 07 ngày làm việc</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	<p>(1) Điều 106 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>
21	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	<p>1. Đối với các trường hợp: (1) <i>Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần;</i> (2) <i>Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác</i></p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh,</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua</p>	<p>(1) Điều 131, Điều 140 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của</p>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản; chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ; giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực; giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hết hiệu lực nhưng không phải đóng cửa mỏ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 82 Luật Địa chất và khoáng sản: Thời hạn quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là **90 ngày**, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ (trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).

2. Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản lần đầu theo quy định tại điểm b khoản 9

Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường.
 - **Người có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
 - **Cơ quan thực hiện:** Sở Nông nghiệp và Môi trường

dịch vụ bưu chính công ích;
 - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ
<https://dichvucong.gov.vn/>

Chính phủ;
 (2) Phụ lục II Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;
 (3) Phụ lục IV Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

			<i>Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản: Thời hạn quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trước ngày 31/12/2026</i>			
22	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	12 ngày làm việc	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	(1) Điều 34 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
23	1.014292	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản ³	39 ngày làm việc			(1) Điều 14 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.
24	1.014279	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	26 ngày làm việc			(1) Điều 79 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo

³ Tên cũ là Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

						quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
25	1.014280	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	16 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc)	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	(1) Điều 80 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
26	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm: 16 ngày làm việc 2 Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị thay đổi tên tổ chức, cá nhân: 09 ngày làm việc	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;	(1) Điều 81 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
27	1.014282	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	16 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;	(1) Điều 82 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

			nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc)	phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
28	1.014283	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản ⁴	16 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc)			(1) Điều 83 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026
29	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản: 44 ngày làm việc 2. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường. - Người có thẩm	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công	(1) Các Điều 96, 97 và 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (2) Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; (3) Phụ lục II Thông tư số

⁴ Tên cũ là Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

*tu hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: **13 ngày làm việc***

*3. Thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thi công được công trình khai thác mỏ; (2) Tổ chức, cá nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15: **11 ngày làm***

quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
- **Cơ quan thực hiện:** Sở Nông nghiệp và Môi trường

trực tuyến tại địa chỉ
<https://dichvucong.gov.vn/>

36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (4) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 22+23 Ngày 29-04-2026

			việc			
30	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucon.g.gov.vn/</p>	(1) Điều 6 và Phụ lục I Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
31	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	10 ngày làm việc (thời gian lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan trong trường hợp cần thiết không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ)			(1) Điều 7 và Phụ lục I Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.
32	1.014346	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	<p>1. Trường hợp giao nộp báo cáo, dữ liệu địa chất, khoáng sản: 10 ngày làm việc</p> <p>2. Trường hợp giao nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng: 05 ngày làm việc</p>			(1) Điều 5, Điều 6 và Phụ lục I Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Phần II: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (02 TTHC)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
01	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản ⁵	<p>1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản: 44 ngày làm việc</p> <p>2. Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản: 13 ngày làm việc</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.</p> <p>- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	<p>(1) Các Điều 96, 97 và 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(3) Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;</p> <p>(4) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>
02	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90 ngày			<p>(1) Điều 131, Điều 140 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>(2) Phụ lục II Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026;</p> <p>(3) Phụ lục IV Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.</p>

⁵ Tên cũ là Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản